

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2019/HNGĐ-PT

Ngày: 25-7-2019

V/v: “Tranh chấp Hôn nhân và
Gia đình”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Hồng Căn

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hồng Anh

Ông Ngô Văn Thắng

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Bùi Thị Thanh Mai - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thu Hòa - Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 07 năm 2019, tại Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 11/2019/TLPT-HNGĐ ngày 10/05/2019, về việc: “Tranh chấp về Hôn nhân và Gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2019/QĐ-PT ngày 07/06/2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2019/QĐ-PT ngày 27/06/2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Đỗ Thị Thanh H; Sinh năm 1976;

Nghề nghiệp: Thợ may.

Địa chỉ: Tổ 6, khu Tân Lập 5, phường T, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh;
Có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Vũ Đình Đ ông; Sinh năm 1976;

Nghề nghiệp: Giám đốc Công ty trách nhiệm hữu hạn X.

Địa chỉ: Tổ 6, khu Tân Lập 5, phường T, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh.

Chỗ ở: Phòng 206 khu B, Chung cư 06 tầng tổ 13, phường H, thành phố L, tỉnh Quảng Ninh; Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Công ty Cổ phần XD; Trụ sở: khu Hợp Thành, phường P, thành phố B, Quảng Ninh; Người đại diện theo pháp luật: Ông Tô Ngọc H – Chức vụ: Tổng Giám đốc, vắng mặt.

2. Công ty trách nhiệm hữu hạn X; Trụ sở: Tổ 14 B (nay là tổ 6, khu Tân Lập 5), phường T, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh; Người đại diện theo pháp luật: Anh

Vũ Đình Đ; Sinh năm: 1976; Có mặt.

3. Ông Vũ Dương P; Sinh năm 1950; Địa chỉ: Tổ 6, khu Tân Lập 5, phường T, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh, có mặt.

4. Bà Phạm Thị T; Sinh năm 1947; Địa chỉ: Tổ 6, khu Tân Lập 5, phường T, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh, vắng mặt.

5. Bà Đỗ Thị P; Sinh năm 1960; Địa chỉ: Số nhà 01, ngõ 605, thôn Tân Thành, xã Minh Thành, thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh, có mặt.

6. Anh Lê Văn C; Chị Phạm Thị T; Trú tại: Xóm 23, xã Hải Anh, huyện H, tỉnh Nam Định; Tạm trú tại: Tổ 2, khu Tân Lập 1, phường T, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh (Chị Thêu ủy quyền cho anh C); có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo bản án sơ thẩm, nội dung vụ án tóm tắt như sau:

Nguyên đơn chị Đỗ Thị Thanh H trình bày:

- Về tình cảm: Chị Đỗ Thị Thanh H kết hôn với anh Vũ Đình Đ trên cơ sở tự nguyện, có thời gian tìm hiểu, yêu nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thị xã C (nay là thành phố C) vào ngày 15/12/2003. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống gia đình. Ngoài ra, chị H còn nghi ngờ anh Đ có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, chị và anh Đ đã sống ly thân nhiều lần và cũng nhiều lần được hai bên gia đình hòa giải, nhưng quay về chung sống một thời gian ngắn mâu thuẫn lại xảy ra. Từ ngày 10/9/2017, chị chuyển về nhà mẹ đẻ sống ly thân với anh Đ cho đến nay. Nay chị thấy mâu thuẫn đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Vũ Đình Đ ông.

- Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng có hai con chung là Vũ Minh Đ, sinh ngày 08/11/2004 và Vũ Nhật M, sinh ngày 08/12/2011. Khi ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung đến tuổi thành niên, yêu cầu anh Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi mỗi con chung số tiền là 2.000.000 đồng/tháng, thời gian cấp dưỡng từ tháng 4/2018 cho đến khi các con thành niên (đủ 18 tuổi); Chị yêu cầu anh Đ trả tiền cấp dưỡng một lần.

- Về tài sản chung gồm:

+ 295497,0m² đất trồng rừng, địa chỉ tại: Khu 7A (nay thuộc tổ 6, khu 7B) phường Q, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh; thời hạn 50 năm, theo giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số BQ 616753 do Ủy ban nhân dân thành phố C cấp ngày 02/02/2016 mang tên Vũ Đình Đ và Đỗ Thị Thanh H. Giá trị tại thời điểm hiện tại khoảng 3.000.000.000đ (ba tỷ đồng), chị yêu cầu được chia đôi thửa đất,

lấy các đỉnh từ thứ tự số 23 đến thứ tự số 45 theo văn bản chi cung cấp đề ngày 14/11/2018.

+ Tiền gửi tại Ngân hàng do anh Vũ Đình Đ đứng tên gồm 06 sổ tiết kiệm với tổng số tiền là: 2.825.209.200đ. Chị yêu cầu được chia đôi số tiền này, cụ thể là 1.400.000.000đ (một tỷ bốn trăm triệu đồng)

+ Hai lô đất số 185, 186 tại khu đô thị mới phường T, thành phố C. Chị yêu cầu được chia thửa đất số 185 diện tích 86,7m², theo tài liệu giao nhận đất ngày 11/5/2016 giữa anh Vũ Đình Đ và đại diện Công ty Cổ phần XD. Giá trị thửa đất khoảng 400.000.000đ. Hai thửa đất này hiện vợ chồng anh C, T là em họ của anh Đ mượn và đã xây dựng nhà xưởng, việc xây dựng nhà xưởng chị không biết, không hỏi ý kiến chị vì vậy chị không có nghĩa vụ phải bồi thường cho anh C, chị T.

Đối với việc anh Đ dùng 02 thửa đất trên làm tài sản đảm bảo cho hợp đồng hợp tác ngày 05/11/2014 được giao kết giữa anh Vũ Đình Đ và chị Đỗ Thị P, chị không được anh Đ không trao đổi, bàn bạc gì và chị cũng không biết, chỉ đến nay, khi vợ chồng ly hôn, anh Đ đưa ra hợp đồng nêu trên, chị mới được biết. Quan điểm của chị là yêu cầu Tòa án tuyên bố giao dịch dân sự được xác lập giữa anh Đ, chị P là giao dịch dân sự vô hiệu.

Đối với khoản nợ là 1.425.000.000đ, phát sinh giữa anh Đ và chị P, chị không có nghĩa vụ gì đối với khoản nợ này, bởi lẽ khi anh Đ thực hiện giao dịch với chị P chị không biết, nay chị yêu cầu tuyên bố giao dịch này là vô hiệu, vì vậy, anh Đ phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về toàn bộ khoản nợ đối với chị P.

+ Tài sản tại cửa hàng cắt may tại tổ 8, khu Tân Lập 1, phường T gồm: 04 máy may cũ giá trị hiện tại là 8.000.000 đồng; 01 bàn là cũ giá trị là 1.000.000 đồng và toàn bộ số vải tại cửa hàng này là 11.000.000 đồng. Khi ly hôn, chị xin được sử dụng toàn bộ tài sản tại cửa hàng may này và thanh toán cho anh Đ số tiền là 10.000.000 đồng.

+ Góp vốn kinh doanh tại Công ty trách nhiệm hữu hạn X, theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 16/12/2010, chị góp 35 % số vốn. Tất cả tài sản của Công ty TNHH X có tổng giá trị là 1.600.000.000 đồng. Mặc dù trong phần góp vốn tại giấy phép kinh doanh ghi chị góp vốn 35% nhưng thực tế chị đóng góp 50% trong tổng số tài sản của Công ty, việc ghi chị đóng góp vốn 35% chỉ đảm bảo hoạt động của Công ty, vì vậy, khi ly hôn, chị yêu cầu Công ty TNHH X thanh toán trả cho chị phần tài sản tương đương với phần vốn góp của chị là 50%. Cụ thể chị yêu cầu được chia 01 xe ô tô nhãn hiệu Honda Civic biển kiểm soát 14A-040.61 giá trị tài sản là 364.000.000 đồng và 196.000.000đ tiền mặt; Công ty TNHH X được sở hữu các tài sản còn lại. Đối với số tiền 1.500.000.000đ để

nâng vốn điều lệ của Công ty, số tiền này đã được dùng để mua sắm các tài sản của Công ty, vì vậy chị không có yêu cầu gì khác đối với số tiền này.

- Về công nợ chung: không có công nợ chung.

Bị đơn anh Vũ Đình Đ trình bày:

+ Về tình cảm: Anh Đ xác nhận về thời gian, điều kiện, hoàn cảnh kết hôn như chị Đỗ Thị Thanh H khai là đúng. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau đó thì thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính cách không hòa hợp, không tìm được tiếng nói chung dẫn đến vợ chồng hay cãi vã, xô xát nhau. Mỗi lần như vậy, chị H không tìm biện pháp khắc phục mâu thuẫn vợ chồng, mà lại liên tục đòi ly hôn khiến mâu thuẫn ngày thêm trầm trọng. Từ tháng 6/2017, vợ chồng tuy sống trong một nhà, nhưng không ai quan tâm đến ai. Đến nay anh cũng thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng, anh cũng yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị H.

- Về con chung: Như chị H khai là đúng. Khi ly hôn, anh đồng ý giao cả hai con chung cho chị H được trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên; Anh chỉ đồng ý cấp dưỡng cho mỗi con chung là 1.000.000 đồng/tháng, thời gian cấp dưỡng từ tháng 4/2018 cho đến khi mỗi con chung thành niên (đủ 18 tuổi).

- Về tài sản chung:

+ Đối với diện tích 295497, 0 m² đất rừng sản xuất, thời hạn 50 năm, theo giấy chứng quyền sử dụng đất số BQ 616753 do Ủy ban nhân dân thành phố C cấp ngày 02/02/2016 mang tên chủ sử dụng đất Vũ Đình Đ và Đỗ Thị Thanh H có địa chỉ tại Khu 7A (nay thuộc tổ 6, khu 7B) phường Q, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh như chị H trình bày là tài sản chung của vợ chồng, anh không đồng ý, vì nguồn gốc quyền sử dụng đất trên từ năm 1994 là tài sản riêng của anh, việc trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên anh và chị H, là do Ủy ban nhân dân thành phố C tự ý đưa tên chị H vào, khi nhận giấy anh đã trình bày quan điểm này và được cơ quan chức năng có thẩm quyền trả lời là giải quyết theo quy định của pháp luật. Còn tài sản trên đất là toàn bộ cây keo 3 tuổi là do anh trồng, chị H không biết việc anh trồng cây keo trên diện tích đất này, nên anh không đồng ý chia số tài sản trên cho chị H, và vì vậy, anh không có quan điểm gì về giá trị của toàn bộ tài sản này. Anh chỉ đồng ý chia cho chị H phần lợi tức mà đất rừng mang lại, nhưng hiện nay do cây mới trồng chỉ khoảng 2 đến 3 năm nên chưa có lợi nhuận gì.

+ Đối với khoản tiền gửi tại Ngân hàng OCEAN Bank bao gồm 06 sổ tiết kiệm như chị H trình bày là đúng, nhưng đây là tài sản riêng của anh có được là do thu nhập từ việc anh sản xuất cây lâm nghiệp và thu nhập sản phẩm từ việc trồng rừng mà có, vì vậy anh không đồng ý chia số tài sản này cho chị H.

+ 02 lô đất số 185, 186 cùng có địa chỉ tại khu đô thị mới phường T, thành phố C, Hợp đồng góp vốn mang tên anh với Công ty cổ phần XD từ năm 2005, anh đã thanh toán tiền cho hai lô đất trên khoảng 200.000.000 đồng, hiện tại chưa thanh toán hết. Khi anh mua 02 lô đất này anh không bàn bạc gì với chị H, nguồn tiền để mua đất cũng từ nguồn anh sản xuất cây lâm nghiệp và thu nhập sản phẩm từ việc trồng rừng mà có, nên đây là tài sản riêng của anh, anh không đồng ý chia tài sản này cho chị H.

Hiện hai lô đất này anh đã dùng để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ cho Hợp đồng hợp tác số: 10/HĐ–XT/2015 về việc “Trồng rừng, chăm sóc rừng 2015 đến 2019” giữa anh và bà Đỗ Thị P vào ngày 05/11/2014. Cho đến thời điểm hiện nay, đối chiếu công nợ, anh còn nợ bà Đỗ Thị P số tiền là 1.425.000.000đ tiền công. Khi anh dùng tài sản này để đảm bảo cho hợp đồng hợp tác nêu trên, anh không trao đổi bàn bạc gì với chị H, vì anh cho rằng, đây là tài sản riêng của anh, anh có quyền định đoạt đối với tài sản của mình. Khu đất rừng để thực hiện hợp đồng giữa anh và bà Đỗ Thị P không nằm trong diện tích 295497,0m² đất rừng sản xuất thời hạn 50 năm nêu trên, mà là tài sản của gia đình anh, không liên quan đến chị H và Công ty TNHH X, do đó, đối với khoản nợ 1.425.000.000đ tiền công, anh hoàn toàn chịu trách nhiệm.

+ Tài sản tại cửa hàng cắt may tại tổ 8, khu Tân Lập 1, phường T, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh như chị H trình bày, anh để toàn bộ số tài sản tại cửa hàng cắt may cho chị H, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản góp vốn tại Công ty TNHH X:

Công ty TNHH X (Công ty X) có hai thành viên là anh và chị Đỗ Thị Thanh H, do anh là người đại diện theo pháp luật, trong đó anh đóng góp vốn 65%, chị H góp vốn 35 %. Tài sản của Công ty TNHH X như chị H đã trình bày là đúng, nhưng đây là tài sản của Công ty TNHH X, việc anh đưa chị H là thành viên của Công ty, là do anh tự ý xác lập số vốn của chị H, để duy trì hoạt động của Công ty cho đến nay, vì vậy anh không đồng ý chia tài sản này cho chị H. Đồng thời, anh yêu cầu Tòa án hủy 35% phần vốn góp vào Công ty của chị H, với lý do chị H chỉ có tên trong giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, không tham gia, không hoạt động điều hành Công ty. Về vấn đề này, tại phiên tòa sơ thẩm, anh Đ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Với nội dung trên, tại bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố C đã quyết định: Căn cứ Khoản 1, khoản 2 Điều 28; khoản 2 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 130; Điều 131; Điều 385; Điều 408; Điều 513; Điều 213 Bộ luật Dân sự; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 25; Điều 33; Điều 36; Điều 59; Điều 62; Điều 64 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử

1. Về quan hệ hôn nhân, nuôi con chung, cấp dưỡng cho con:

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn, nuôi con chung; Chấp nhận một phần về yêu cầu cấp dưỡng cho con của chị Đỗ Thị Thanh H

[1.1] Cho ly hôn giữa chị Đỗ Thị Thanh H và anh Vũ Đình Đ

[1.2] Giao hai con chung là Vũ Minh Đ, sinh ngày 08/11/2004 và Vũ Nhật M, sinh ngày 08/12/2011 cho chị Đỗ Thị Thanh H được trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi)

[1.3] Anh Vũ Đình Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, mỗi con chung số tiền là 1.500.000đ (một triệu năm trăm nghìn đồng) một tháng cho đến khi mỗi con chung thành niên (đủ 18 tuổi); Anh Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

2. Về tài sản chung:

Chấp nhận một phần yêu cầu về chia tài sản chung của chị Đỗ Thị Thanh H. Không chấp nhận yêu cầu của anh Vũ Đình Đ ông

[2.1] Đối với tài sản là quyền sử dụng đất 295497,0 m², mục đích sử dụng là đất rừng sản xuất thời hạn 50 năm, theo giấy chứng quyền sử dụng đất số BQ 616753 do Ủy ban nhân dân thành phố C cấp ngày 02/02/2016 mang tên chủ sử dụng đất Vũ Đình Đ và Đỗ Thị Thanh H có địa chỉ tại tổ 7A, phường Quang Hanh, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh.

Chia cho chị Đỗ Thị Thanh H 30% giá trị quy đổi bằng tiền cụ thể như sau:

$2.347.000.000đ \times 30\% = 704.100.000đ$ (bảy trăm linh bốn triệu một trăm nghìn đồng)

Chia cho anh Vũ Đình Đ 70% giá trị quy đổi bằng tiền cụ thể như sau:

$2.347.000.000đ - 704.100.000đ = 1.642.900.000đ$ (một tỷ sáu trăm bốn mươi hai triệu chín trăm nghìn đồng)

Buộc anh Vũ Đình Đ phải thanh toán trả cho chị Đỗ Thị Thanh H số tiền 704.100.000đ (bảy trăm linh bốn triệu một trăm nghìn đồng), và được quyền sử dụng, sở hữu toàn bộ số tài sản là đất rừng, cây trồng trên đất nêu trên.

[2.2] Đối với tài sản theo giấy xác nhận số dư dành cho sổ tiết kiệm và tài khoản tiết kiệm ngày 27/12/2017 của Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương – Chi nhánh Quảng Ninh (gọi tắt là Ngân hàng OCEAN BANK) đối với khách hàng Vũ Đình Đ có tổng số 06 sổ tiết kiệm, tổng số tiền là 2.820.209.200đ (hai tỷ tám trăm hai mươi triệu hai trăm linh chín nghìn hai trăm đồng).

Chia cho chị Đỗ Thị Thanh H 20% trên tổng số tiền trên cụ thể:
 $2.820.209.200đ \times 20\% = 564.041.840đ$ (năm trăm sáu mươi bốn triệu, không trăm bốn mươi một nghìn tám trăm bốn mươi nghìn đồng)

Chia cho anh Vũ Đình Đ 80% trên tổng số tiền trên cụ thể: $2.820.209.200đ - 564,041,840đ = 2.256.167.360đ$ (hai tỷ hai trăm năm mươi sáu triệu một trăm sáu mươi bảy nghìn ba trăm sáu mươi đồng)

Buộc anh Vũ Đình Đ phải thanh toán trả cho chị Đỗ Thị Thanh H số tiền 564,041,840đ (năm trăm sáu mươi bốn triệu không trăm bốn mươi một nghìn tám trăm bốn mươi nghìn đồng)

[2.3] Đối với tài sản là 02 thửa đất số 185 LKD, 186 LKD cùng có địa chỉ tại khu đô thị mới phường T, thành phố C, nay thuộc tổ 6, khu Tân Lập 3, phường T, thành phố C

Chia cho chị Đỗ Thị Thanh H thửa đất số 185 LKD, có diện tích chiều rộng 5,1m x chiều dài 17m = $86,7m^2$; ranh giới thửa đất: Phía Đông giáp thửa số 186 LKD; phía Tây giáp ô số 184; Phía Nam giáp vỉa hè và đường đi; Phía Bắc giáp cống thoát nước; Vị trí thửa đất: Tổ 6, khu Tân Lập 3, phường T, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh; Giá trị tài sản trị giá 476.850.000đ (bốn trăm bảy mươi sáu triệu, tám trăm năm mươi nghìn đồng)

Chia cho anh Vũ Đình Đ thửa đất số 186 LKD, có diện tích chiều rộng 5,1m x chiều dài 17m = $86,7m^2$; ranh giới thửa đất: Phía Đông giáp vỉa hè và đường đi; phía Tây giáp ô số 185 LKD; Phía Nam giáp vỉa hè và đường đi; Phía Bắc giáp cống thoát nước; Vị trí thửa đất: Tổ 6, khu Tân Lập 3, phường T, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh; Giá trị tài sản trị giá 476.850.000đ (bốn trăm bảy mươi sáu triệu, tám trăm năm mươi nghìn đồng)

Anh Đ, chị H có nghĩa vụ thanh toán đầy đủ tiền cho Công ty Cổ phần XD theo nội dung công văn số 661/CV – QNC ngày 24/7/2018 của Công ty QNC, và những khoản chi phí phát sinh (nếu có) khi làm thủ tục nhận chuyển nhượng đất.

[2.4] Buộc anh Lê Văn C, chị Phạm Thị T, địa chỉ tại: Xóm 37, xã Hải Anh, huyện H, tỉnh Nam Định; Tạm trú tại: Tổ 2, khu Tân Lập 1, phường T, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh, phải tháo dỡ toàn bộ nhà xưởng và các công trình, kiến trúc khác đã xây dựng trên hai lô đất 185 LKD, 186 LKD có địa chỉ tại Tổ 6, khu Tân Lập 3, phường T, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh, trả lại mặt bằng hai lô đất trên cho anh Đ, chị H.

[2.5] Đối với tài sản tại cửa hàng cắt may: Chia cho chị Đỗ Thị Thanh H được quyền sở hữu đối với toàn bộ tài sản tại cửa hàng cắt may tại tổ 8, khu Tân Lập 1, phường T, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh gồm: 04 máy may mua từ năm 2002, giá trị hiện tại là 8.000.000 đồng; 01 bàn là nhãn hiệu Hàn Quốc mua từ tháng 11/2017 giá trị là 1.000.000 đồng và toàn bộ số vải tại cửa hàng này là 11.000.000 đồng. Tổng giá trị tài sản là 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng)

[3] Đối với Hợp đồng hợp tác ngày 05/11/2014:

Chấp nhận một phần yêu cầu của chị Đỗ Thị Thanh H;

Tuyên bố hợp đồng hợp tác ngày 05/11/2014, được giao kết giữa anh Vũ Đình Đ và chị Đỗ Thị Phú, vô hiệu một phần, cụ thể nội dung tài sản đảm bảo là hai thửa đất số 185 LKD, thửa đất số 186 LKD tại Tổ 6, khu Tân Lập 3, phường T, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh theo hợp đồng góp vốn mang tên anh Vũ Đình Đ và Công ty cổ phần xây dựng Quảng Ninh bị vô hiệu.

Các nội dung khác của hợp đồng không bị vô hiệu được thực hiện theo quy định chung của pháp luật về dân sự.

[4] Về tài sản góp vốn tại Công ty trách nhiệm hữu hạn X.

Chấp nhận yêu cầu về chia tài sản chung theo phần của chị Đỗ Thị Thanh H.

Không chấp nhận yêu cầu của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty trách nhiệm hữu hạn X do anh Vũ Đình Đ; chức vụ: Giám đốc, là đại diện theo pháp luật;

Chia cho chị Đỗ Thị Thanh H 35% trên tổng số tài sản của Công ty TNHH X cụ thể: $1.671.000.000đ \times 35\% = 584.850.000đ$ (năm trăm tám mươi bốn triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng)

Chị Đỗ Thị Thanh H được quyền sở hữu 01 xe ô tô nhãn hiệu Honda Civic biển kiểm soát 14A – 040.6, đăng ký xe mang tên Công ty TNHH X, tài sản có giá trị là 364.000.000đ (ba trăm sáu mươi bốn triệu đồng)

Công ty TNHH X có nghĩa vụ thanh toán trả cho chị Đỗ Thị Thanh H số tiền số tiền chênh lệch là $584.850.000đ - 364.000.000đ = 220.850.000đ$ (hai trăm hai mươi triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng).

Chia cho Công ty TNHH X 65% trên tổng số tài sản của Công ty TNHH X cụ thể: $1.671.000.000đ \times 65\% = 1.086.150.000đ$ (một tỷ không trăm tám mươi sáu triệu một trăm năm mươi nghìn đồng)

Cụ thể Công ty TNHH X được quyền sở hữu:

+ 01 xe ô tô nhãn hiệu IZUZU biển kiểm soát 14A – 4205, đăng ký mang tên có Công ty TNHH X;

+ 01 xe ô tô tải ben 4,75 tấn nhãn hiệu Trường Giang biển kiểm soát 14C–083.81, đăng ký mang tên có Công ty TNHH X;

+ 01 căn hộ chung cư, có diện tích sử dụng 85 m² có địa chỉ tại tổ 13, khu 4, phường H, thành phố L, tỉnh Quảng Ninh, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CD 955414, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 11/5/2017 mang tên Công ty trách nhiệm hữu hạn X.

[5]. Về án phí:

- Chị Đỗ Thị Thanh H phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm và 78.996.836đ (bảy mươi tám triệu chín trăm chín mươi sáu nghìn, tám trăm ba mươi sáu đồng) được trừ đi số tiền 37.000.000đ (ba mươi bảy triệu

đồng) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0009727 ngày 03/11/2017 và số tiền 33.000.000đ (ba mươi ba triệu đồng) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0009869 ngày 02/02/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố C. Chị Đỗ Thị Thanh H còn phải nộp 9.296.836đ (chín triệu hai trăm chín mươi sáu nghìn tám trăm ba mươi sáu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Anh Vũ Đình Đ phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng cho con và 112.375.917đ (một trăm mười hai triệu ba trăm bảy mươi lăm nghìn chín trăm mười bảy đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Công ty TNHH X do anh Vũ Đình Đ; chức vụ: Giám đốc, là đại diện theo pháp luật phải nộp 44.584.500 (bốn mươi bốn triệu năm trăm tám mươi bốn nghìn năm trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra bản án còn Quyết định quyền kháng cáo, quyền yêu cầu thi hành án theo luật định.

Ngày 01/02/2019, chị Đỗ Thị Thanh H kháng cáo một phần bản án sơ thẩm về trợ cấp nuôi con và chia tài sản. Ngày 12/02/2019, chị H có đơn xin rút kháng cáo.

Ngày 15/02/2019, anh Vũ Đình Đ có đơn kháng cáo về chia tài sản. Tại Quyết định số 03/2019/QĐ-PT ngày 21/03/2019, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh không chấp nhận việc kháng cáo quá hạn của anh Vũ Đình Đ.

Tại Quyết định kháng nghị số 22/QĐKNPT-VKS ngày 20/02/2019, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh kháng nghị Bản án sơ thẩm số 02/2019/HNGĐ-ST ngày 23/01/2019 của Tòa án nhân dân thành phố C, với nội dung:

- Đối với tài sản là Quyền sử dụng 02 thửa đất số 185KLD và 186KLD, anh Đ chưa nộp hết tiền trong Hợp đồng góp vốn với Công ty Cổ phần XD nên hai bên chưa hoàn tất thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không đưa Công ty Cổ phần XD vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là thiếu sót, vi phạm khoản 4 Điều 68 Bộ LTTDS; Mặt khác Bản án tuyên chia thửa đất cho các đương sự là không đúng.

- Đối với số tiền gửi tiết kiệm 2.825.209.200đ: Bản án sơ thẩm chia cho chị H được hưởng 20% số tiền gửi trên là chưa phù hợp, chưa xem xét hết đến công sức đóng góp của chị H vào khối tài sản chung của vợ, chồng.

- Đối với yêu cầu chia tài sản là vốn góp tại Công ty TNHH X, bản án sơ thẩm căn cứ Luật hôn nhân và gia đình chia cho chị H 35% vốn góp, giao cho chị H chiếc xe ô tô Honda Civic và buộc Công ty TNHH X thanh toán chênh lệch cho chị H là không đúng quy định tại khoản 2 Điều 51 Luật Doanh nghiệp 2014.

- Đối với quyền sử dụng diện tích 295.497m² đất rừng và tài sản trên đất, Bản án sơ thẩm chia cho các đương sự và buộc anh Đ thanh toán giá trị bằng

tiền cho chị H, nhưng không xác lập quyền sở hữu, quyền sử dụng cho anh Đ, trong khi Giấy CNQSDĐ mang tên anh Đ, chị H là thiếu sót.

- Bản án sơ thẩm tuyên buộc anh Đ và Công ty TNHH X thanh toán chênh lệch tài sản cho chị H nhưng không xác định nghĩa vụ chậm trả khi thi hành án là thiếu sót.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Kiểm sát viên giữ nguyên kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tòa án đã được tiến hành đúng qui định của Bộ luật tố tụng Dân sự; Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo qui định của Bộ luật tố tụng Dân sự. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Chị Đỗ Thị Thanh H kết hôn với anh Vũ Đình Đ trên cơ sở tự nguyện, có thời gian tìm hiểu, yêu nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thị xã C (nay là thành phố C) vào ngày 15/12/2003. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung. Mặc dù đã được hai bên gia đình hòa giải nhiều lần và hai người cũng đã sống ly thân nhiều lần, nhưng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Kể từ tháng 9/2017 cho đến nay, hai người sống ly thân mỗi người ở một nơi, không ai quan tâm đến ai. Chị H xin ly hôn và anh Đ cũng đồng ý nên cấp sơ thẩm xử cho hai người ly hôn là có căn cứ.

Xét kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh thấy:

[1]. **Về tố tụng:** Năm 2005, anh Vũ Đình Đ ký Hợp đồng với Công ty Cổ phần XD góp vốn chuyển nhượng quyền sử dụng 02 ô đất số 151, 152 lô LKD khu đô thị mới phường T, đến năm 2013 chuyển đổi thành 02 ô số 185, 186 lô LKD. Theo tài liệu có trong hồ sơ, anh Đ chưa nộp đủ số tiền trong hợp đồng và do dự án chưa hoàn thiện hạ tầng, nên hai bên chưa hoàn tất việc chuyển nhượng. Nay vợ chồng anh Đ ly hôn và chia tài sản có liên quan đến 02 ô đất này, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không đưa Công ty Cổ phần XD vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là thiếu sót, vi phạm khoản 4 Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án ở cấp phúc thẩm, sau khi nghiên cứu văn bản yêu cầu cho biết quan điểm về vấn đề này, ngày 02/07/2019, Công ty Cổ phần XD đã có văn bản trả lời: Việc vợ chồng anh Đ ly hôn có chia tài sản liên quan đến 02 ô đất 185, 186 lô LKD tại Dự án Khu

dân cư phường T, anh Đ là khách hàng và được bảo đảm quyền lợi theo nội dung hợp đồng, các văn bản thỏa thuận có liên quan đã được ký kết giữa Công ty và khách hàng; Phán quyết của Tòa án buộc vợ chồng anh Đ phải thực hiện liên quan đến quyền lợi và nghĩa vụ đối với 02 ô đất trên. Công ty tôn trọng các quyết định của Tòa án và không có ý kiến nào khác ngoài những nội dung đã trình bày với Tòa án cấp sơ thẩm. Như vậy cấp phúc thẩm bổ sung Công ty Cổ phần XD vào tham gia tố tụng, đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

[2] Về chia tài sản chung:

[2.1] Đối với tài sản là quyền sử dụng 295.497,0 m² đất rừng sản xuất thời hạn 50 năm và tài sản trên đất: Theo giấy chứng quyền sử dụng đất số BQ 616753 do Ủy ban nhân dân thành phố C cấp ngày 02/02/2016, thì tên chủ sử dụng đất là Vũ Đình Đ và Đỗ Thị Thanh H có địa chỉ tại Khu 7A (nay là tổ 6, khu 7B), phường Quanh Hanh, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh. Cấp sơ thẩm xác định là tài sản chung và chia cho các đương sự là có căn cứ. Tuy nhiên cấp sơ thẩm buộc anh Đ thanh toán giá trị bằng tiền cho chị H, nhưng không xác lập quyền sở hữu, sử dụng cho anh Đ là thiếu sót. Cấp phúc thẩm sẽ bổ sung nội dung này.

[2.2] Đối với tài sản là số tiền gửi tiết kiệm, tổng số tiền là 2.820.209.200đ, cấp sơ thẩm xác định đây là tài sản chung của anh Đ, chị H là đúng. Tuy nhiên, khi chia tài sản này, cấp sơ thẩm nhận định phần lớn tài sản này do anh Đ tạo dựng, chị H cơ bản làm công việc hậu cần, quản lý gia đình, nuôi dạy con cái. Từ nhận định đó, cấp sơ thẩm chia cho chị H hưởng 20% số tiền gửi tiết kiệm là đánh giá chưa đầy đủ, vì chị H còn có thu nhập từ nghề may và có 35% vốn góp của Công ty X. Cần thiết phải nâng tỷ lệ số tiền được hưởng cho chị H mới bảo đảm quyền và lợi ích của chị H.

[2.3] Đối với tài sản là quyền sử dụng 02 ô đất số 185, 186 Lô LKD cùng có địa chỉ tại khu đô thị mới phường T, thành phố C, cấp sơ thẩm quyết định chia cho các đương sự thừa đất là không đúng, mà phải là quyền sử dụng thừa đất. Cấp phúc thẩm sẽ sửa cho đúng quy định.

[2.4] Đối với tài sản là vốn góp tại Công ty TNHH X.

Công ty TNHH X là Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên, mặc dù hai thành viên này cùng hộ gia đình, nhưng việc sử dụng, quản lý vốn góp phải thực hiện theo Luật doanh nghiệp. Khoản 2 Điều 51 Luật doanh nghiệp quy định về nghĩa vụ của thành viên: Không được rút vốn đã góp ra khỏi công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp quy định tại các Điều 52, 53, 54 và 68 Bộ luật này. Việc Tòa án cấp sơ thẩm chia 35% vốn góp cho chị H bằng xe và tiền mặt là không đúng quy định của Luật doanh nghiệp. Cấp phúc thẩm sửa lại cho đúng quy định.

[2.5] Về xác định nghĩa vụ chậm thi hành án: Bản án sơ thẩm buộc anh Đ phải thanh toán tiền cho chị H, nhưng không xác định nghĩa vụ đương sự chậm trả khi thi hành án là thiếu sót, cấp phúc thẩm bổ sung theo đúng quy định.

Như vậy, kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh là có căn cứ, nên chấp nhận.

[3] Về án phí:

Do sửa án sơ thẩm, nên cấp phúc thẩm tính lại án phí của các đương sự cho phù hợp.

Vì các lẽ trên!

Căn cứ khoản 2 Điều 308; Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự.

QUYẾT ĐỊNH

Chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh, sửa án sơ thẩm.

Áp dụng Điều 122; Điều 130; Điều 131; Điều 213; Điều 468 Bộ luật Dân sự; Điều 51; Điều 56; Điều 59; Điều 62; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 51 Luật doanh nghiệp năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử

1. Về quan hệ hôn nhân, nuôi con chung, cấp dưỡng cho con:

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn, nuôi con chung; Chấp nhận một phần về yêu cầu cấp dưỡng cho con của chị Đỗ Thị Thanh H

[1.1] Chị Đỗ Thị Thanh H được ly hôn anh Vũ Đình Đ

[1.2] Giao hai con chung là Vũ Minh Đ, sinh ngày 08/11/2004 và Vũ Nhật M, sinh ngày 08/12/2011 cho chị Đỗ Thị Thanh H được trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi).

[1.3] Anh Vũ Đình Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, mỗi con chung số tiền là 1.500.000đ (một triệu năm trăm nghìn đồng) một tháng cho đến khi mỗi con chung thành niên (đủ 18 tuổi); Anh Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

2. Về tài sản chung:

[2.1] Đối với tài sản là quyền sử dụng 295.497,0 m² đất rừng sản xuất thời hạn 50 năm, theo giấy chứng quyền sử dụng đất số BQ 616753 do Ủy ban nhân dân thành phố C cấp ngày 02/02/2016 mang tên chủ sử dụng đất Vũ Đình Đ và Đỗ Thị Thanh H có địa chỉ tại tổ 7A, phường Q, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh:

Chia cho chị Đỗ Thị Thanh H 30% giá trị quy đổi bằng tiền cụ thể như sau: 2.347.000.000đ x 30% = 704.100.000đ (bảy trăm linh bốn triệu một trăm nghìn đồng)

Chia cho anh Vũ Đình Đ 70% giá trị quy đổi bằng tiền cụ thể như sau:
 $2.347.000.000đ - 704.100.000đ = 1.642.900.000đ$ (một tỷ sáu trăm bốn mươi hai triệu chín trăm nghìn đồng)

Buộc anh Vũ Đình Đ phải thanh toán trả cho chị Đỗ Thị Thanh H số tiền 704.100.000đ (bảy trăm linh bốn triệu một trăm nghìn đồng). Anh Đ có trách nhiệm liên hệ với các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để điều chỉnh Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho phù hợp.

[2.2] Đối với tài sản là tiền gửi tiết kiệm, tổng số tiền là 2.820.209.200đ: Chia cho chị Đỗ Thị Thanh H 35% trên tổng số tiền trên, cụ thể: $2.820.209.200đ \times 35\% = 987.073.220đ$ (chín trăm tám mươi bảy triệu không trăm bảy mươi ba nghìn hai trăm hai mươi nghìn đồng)

Chia cho anh Vũ Đình Đ 65% trên tổng số tiền trên, cụ thể: $2.820.209.200đ - 987.073.220đ = 1.833.135.980đ$ (một tỷ tám trăm ba mươi ba triệu một trăm ba mươi năm nghìn chín trăm tám mươi đồng)

Buộc anh Vũ Đình Đ phải thanh toán trả cho chị Đỗ Thị Thanh H số tiền 987.073.220đ (chín trăm tám mươi bảy triệu không trăm bảy mươi ba nghìn hai trăm hai mươi nghìn đồng).

Như vậy đối với tài sản là quyền sử dụng đất trồng rừng và tiền gửi tiết kiệm, anh Đ phải thanh toán chênh lệch cho chị H tổng cộng là 1.691.173.200đ (một tỷ sáu trăm chín mươi một triệu một trăm bảy mươi ba nghìn hai trăm đồng).

Kể từ ngày chị H có đơn yêu cầu thi hành án khi án có hiệu lực pháp luật, nếu anh Đ chậm thanh toán thì phải chịu lãi trên số tiền chậm trả theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự.

[2.3] Đối với tài sản là 02 thửa đất số 185 LKD, 186 LKD cùng có địa chỉ tại khu đô thị mới phường T, thành phố C, nay thuộc tổ 6, khu Tân Lập 3, phường T, thành phố C:

Giao cho chị Đỗ Thị Thanh H tiếp tục thực hiện Phụ lục Hợp đồng số 03/PL-HĐ ngày 22/06/2013 với Công ty Cổ phần XD, để nhận chuyển nhượng quyền sử dụng ô đất số 185 lô LK-D, có diện tích và vị trí theo hợp đồng. Trị giá tài sản là 476.850.000đ (bốn trăm bảy mươi sáu triệu, tám trăm năm mươi nghìn đồng).

Giao cho anh Vũ Đình Đ tiếp tục thực hiện Phụ lục Hợp đồng số 04/PL-HĐ ngày 22/06/2013 với Công ty Cổ phần XD, để nhận chuyển nhượng ô đất số 186 lô LK-D, có diện tích và vị trí theo hợp đồng. Giá trị tài sản là 476.850.000đ (bốn trăm bảy mươi sáu triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng).

Liên quan đến hai ô đất trên, Tuyên bố hợp đồng hợp tác ngày 05/11/2014, được giao kết giữa anh Vũ Đình Đ và chị Đỗ Thị Phú, vô hiệu một phần, cụ thể tại Điều 3, phần: *Tài sản đảm bảo giữa bên B và bên A gồm từ mục*

1. Hợp đồng góp vốn đến mục 5. Biên bản giao nhận đất ngày 11/05/2016, lô 185, 186 vô hiệu.

Các nội dung khác của hợp đồng không bị vô hiệu được thực hiện theo quy định chung của pháp luật về dân sự.

[2.4] Buộc anh Lê Văn C, chị Phạm Thị T phải tháo dỡ toàn bộ nhà xưởng và các công trình, kiến trúc khác đã xây dựng trên hai ô đất 185 LKD, 186 LKD có địa chỉ tại: Tổ 6, khu Tân Lập 3, phường T, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh, trả lại mặt bằng hai lô đất trên cho anh Đ, chị H.

[2.5] Đối với tài sản tại cửa hàng cắt may: Chị Đỗ Thị Thanh H được sở hữu đối với toàn bộ tài sản tại cửa hàng cắt may tại tổ 8, khu Tân Lập 1, phường T, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh. Tổng giá trị tài sản là 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng).

[2.6] Đối với tài sản góp vốn tại Công ty trách nhiệm hữu hạn X:

Ghi nhận chị Đỗ Thị Thanh H có 35% vốn trên tổng số tài sản của Công ty TNHH X, tương đương với số tiền 584.850.000đ (năm trăm tám mươi bốn triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng). Anh Vũ Đình Đ có 65% vốn tương đương với 1.086.150.000đ. Chị H thực hiện quyền của mình đối với giá trị tài sản trên theo quy định của Luật doanh nghiệp và các luật khác nếu có.

[3]. Về án phí:

- Chị Đỗ Thị Thanh H phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm và 75.760.464đ án phí dân sự sơ thẩm, được trừ đi số tiền 37.000.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0009727 ngày 03/11/2017 và số tiền 33.000.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0009869 ngày 02/02/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố C. Chị H còn phải nộp 5.760.464đ (năm triệu bảy trăm sáu mươi nghìn bốn trăm sáu mươi bốn đồng).

- Anh Vũ Đình Đ phải chịu 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con và 111.057.719đ (một trăm mười một triệu không trăm năm mươi bảy nghìn bảy trăm mười chín đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Công ty trách nhiệm hữu hạn X không phải nộp 44.584.500đ (bốn mươi bốn triệu năm trăm tám mươi bốn nghìn năm trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- TAND Tp. Cẩm Phả;
- VKSND Tp. Cẩm Phả;
- Chi cục THADS Tp. Cẩm Phả;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Hồng Căn